

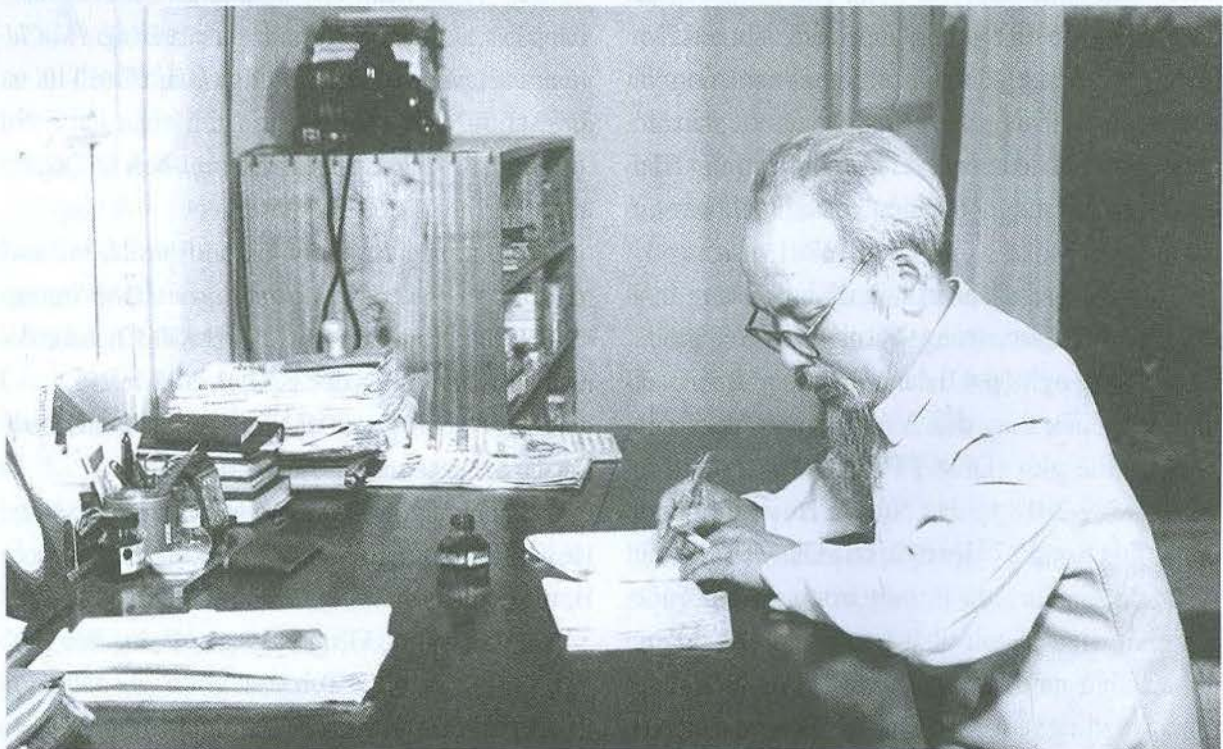
TÂM NHÌN HỒ CHÍ MINH TRONG BẢN DI CHỨC LỊCH SỬ

PGS, TS TRẦN THỊ MINH TUYẾT

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Tóm tắt: Bản *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến những vấn đề vừa mang tính cấp thiết của đất nước trong chiến tranh, vừa mang tính lâu dài cho tương lai dân tộc, thể hiện năng lực dự báo chiến lược và tầm nhìn thời đại của Người trên những vấn đề chủ yếu: thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; chính đốn Đảng là vấn đề đặc biệt quan trọng, cần làm đầu tiên sau khi đất nước thống nhất; những khó khăn sau chiến tranh và gọi mở tái thiết đất nước; chú trọng bồi dưỡng, đào tạo thế hệ kế cận cho cách mạng; sự nghiệp giải phóng phụ nữ; ý thức bảo vệ môi trường; mục tiêu lâu dài và đặc trưng của CNXH ở Việt Nam là xây dựng nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh. Những lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã, đang được thực hiện và tiếp tục là mục tiêu phấn đấu không ngừng của cách mạng Việt Nam.

Từ khóa: Tầm nhìn Hồ Chí Minh; *Di chúc*



Chủ tịch Hồ Chí Minh tại phòng làm việc nhà 54, tháng 4-1957

Hồ Chí Minh nguyện hiến trọn đời mình cho dân, cho nước nên mọi suy tư của Người trong *Di chúc* cũng xoay quanh những vấn đề của nước, của dân. Với tư duy khoa học và tầm nhìn rộng lớn, Người căn dặn những công việc to lớn, hệ trọng, cần kíp mà Đảng cần thực hiện. *Di chúc* không chỉ tác động đến tiến trình cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà còn là kim chỉ nam cho hành động của Đảng trong những chặng đường tiếp theo.

Thứ nhất, Hồ Chí Minh khẳng định thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cho dù chiến tranh đang ở giai đoạn khốc liệt nhất

Thời điểm Hồ Chí Minh khởi thảo *Di chúc* chính là lúc Mỹ leo thang chiến tranh ở Việt Nam và chiến sự đã lan rộng ra cả hai miền Nam-Bắc. Tuy nhiên, trong cả ba bản *Di chúc* được viết vào những năm khác nhau, Người không bàn về tình hình chiến sự mà đều khẳng định thắng lợi tất yếu của nhân dân Việt Nam.

Trong bản thảo *Di chúc* viết năm 1965, Hồ Chí Minh khẳng định: “*Cuộc kháng chiến chống Mỹ* có thể còn kéo dài mấy năm nữa. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn”. Người hiểu rằng, do Mỹ phải “leo thang” chiến tranh trong thế yếu, thế bất buộc nên lúc chiến tranh khốc liệt nhất chính là lúc chiến thắng đang đến gần.

Đến năm 1968, niềm tin chiến thắng của Hồ Chí Minh thể hiện gián tiếp qua việc Người phác thảo sẵn một kế hoạch tái thiết đất nước sau chiến tranh. Trong bản *Di chúc* viết năm 1969, một lần nữa, Người khẳng định thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: “*Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn*

toàn. Đó là một điều chắc chắn”²². Như vậy, cho dù cách mạng miền Nam gặp rất nhiều khó khăn sau sự kiện Mậu Thân 1968³ và Hội nghị Pari dù được mở ra nhưng đang ở tình trạng “dậm chân tại chỗ”, Hồ Chí Minh vẫn kiên định một niềm tin không gì lay chuyển, niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh của chính nghĩa, của nhân dân. Trong một cuộc chiến lâu dài, chúng ta có thể sai lầm ở những chiến thuật cụ thể, có thể bị tổn thất ở từng thời điểm nhất định, nhưng chúng ta vẫn đứng trong chiến lược tổng thể và sẽ thắng trong toàn cuộc chiến tranh. Việc Mỹ phải rút quân khỏi Việt Nam vào năm 1973 và ngày toàn thắng 30-4-1975 đã chứng minh dự báo của Hồ Chí Minh là hoàn toàn chính xác.

Đặc biệt, Hồ Chí Minh nói rõ: Việc đánh đuổi đế quốc Mỹ ra khỏi nước ta là để tiến tới mục tiêu “đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”, tức là tuyệt đối phải tránh sự hận thù, chia rẽ dân tộc. Đối với một đất nước từng bị chia cắt lâu dài, sự thống nhất về địa lý, về phương diện nhà nước đã rất quan trọng nhưng quan trọng hơn nữa là sự thống nhất, hòa hợp, hòa giải thực sự giữa những con người. Đến nay, cho dù chiến tranh đã lùi xa, nhưng thành kiến giữa những con người từng ở hai trận tuyến vẫn chưa hoàn toàn bị xóa bỏ. Hướng tới mục tiêu tạo dựng sự hòa hợp, đồng thuận dân tộc như lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước phải có chiến lược, chính sách phù hợp để đồng bào định cư ở nước ngoài hiểu rõ hơn tình hình trong nước, tích cực đóng góp xây dựng quê hương. Những khó khăn trong tiến trình hòa hợp dân tộc trong hơn 40 năm qua đã thể hiện tầm nhìn và sự nhạy cảm chính trị của Hồ Chí Minh

Thứ hai, khi đặt chính đôn Đảng là việc đầu tiên phải làm, Hồ Chí Minh nhận rõ những vấn đề phức tạp đã và sẽ nảy sinh trong Đảng, đặc biệt khi đất nước chuyển sang thời bình

Với quan điểm “Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”⁴ và “công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”⁵, Hồ Chí Minh coi việc củng cố, chinh đốn Đảng là nhiệm vụ đầu tiên mà Đảng cần thực hiện. Người căn dặn: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”⁶.

Bên cạnh việc đoàn kết, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh một số vấn đề mang tính căn cốt trong công tác xây dựng Đảng như phát huy dân chủ, đẩy mạnh công tác tự phê bình và phê bình, bồi đắp tình thương yêu giữa những người đồng chí, nâng cao đạo đức cách mạng và sự cần thiết phải thường xuyên làm công tác chinh đốn Đảng để kịp thời loại bỏ các hiện tượng tiêu cực, để Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh.

Ân sâu trong việc Hồ Chí Minh coi chinh đốn Đảng là nhiệm vụ hàng đầu còn là sự tiên lượng của Người về sự trỗi dậy của chủ nghĩa cá nhân khi đất nước chuyển sang thời bình. Tâm lý “xả hơi”, hưởng thụ, kèn cựa bắt đầu xuất hiện và đó là khởi điểm của sự tha hóa. Điều Hồ Chí Minh cảnh báo cán bộ từ năm 1954, rằng “Có thể những người khi kháng chiến thì rất anh dũng, trước bom đạn địch không chịu khuất phục nhưng đến khi về thành thị lại bị tiền bạc, gái đẹp quyến rũ, mất lập trường, sa vào tội lỗi. Cho nên bom đạn của địch không nguy hiểm bằng “đạn bọc đường” vì nó làm hại mình mà mình không trông thấy”⁷, sẽ có nguy cơ trỗi dậy. Để chống lại sự cám dỗ khó cưỡng đó, người đảng viên phải thấm nhuần đạo đức cách mạng, phải toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân. *Di chúc* đã đúc kết những nội dung căn cốt nhất trong hệ thống lý luận về công tác xây dựng Đảng của Hồ Chí Minh với nội dung trung tâm là xây dựng Đảng về đạo đức.

Trải qua chặng đường dài nhận thức và phát triển, đến Đại hội VIII (1996), Đảng xác định “xây

dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt”⁸ và đến Đại hội XII (2016), Đảng chính thức bổ sung nội dung xây dựng Đảng về đạo đức và đặt nhiệm vụ xây dựng, chinh đốn Đảng lên vị trí số một trong các nhiệm vụ trọng tâm.

Thứ ba, Hồ Chí Minh cảnh báo những khó khăn sau chiến tranh và gọi mở chương trình tái thiết đất nước trên tinh thần đổi mới

Hồ Chí Minh một mặt luôn vững tin vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam, nhưng mặt khác, Người không chủ quan với thắng lợi vì biết rằng: “Kháng chiến có những khó khăn của kháng chiến. Thắng lợi cũng có những khó khăn của thắng lợi”⁹. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã nói rõ: Tái thiết đất nước sau chiến tranh “là một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn. Chúng ta phải có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo để tránh bị động, thiếu sót và sai lầm”¹⁰. Về mặt nguyên tắc thì thời hậu chiến ở nước nào cũng đều khó khăn nhưng mức độ đặc biệt khó khăn của Việt Nam có nhiều căn nguyên. Do chiến tranh ở Việt Nam quá dài, quá khốc liệt nên di chứng của nó rất nặng nề. Khó khăn còn do mục tiêu phải đưa cả nước đi lên CNXH mà thực tế thì “thắng để quốc và phong kiến là tương đối dễ; thắng bản cùng và lạc hậu còn khó hơn nhiều”¹¹. Tiếp đó, quy luật vận hành của xã hội thời bình khác xa thời chiến nhưng tư duy về “chủ nghĩa xã hội thời chiến” lại “ăn sâu” vào tâm thức nhiều người. Thắng lợi vĩ đại vừa giành được cũng làm nảy sinh tâm lý chủ quan, nóng vội. Vì thế, mặc dù Hồ Chí Minh đã cảnh báo nguy cơ mắc sai lầm nhưng thực tế thì Đảng vẫn mắc “những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chi đạo chiến lược và tổ chức thực hiện”¹². Đại hội VI (1986) của Đảng thừa nhận rằng “việc đánh giá tình hình cụ thể về các mặt kinh tế, xã hội của đất nước đã có nhiều thiếu sót”¹³. Đó còn chưa nói

đến việc Việt Nam đã phải đương đầu với hai cuộc chiến tranh ở hai đầu biên giới và sự bao vây, cấm vận hết sức lâu dài của Mỹ. Hội tụ tất cả những nguyên nhân khách quan, chủ quan nói trên là việc đất nước rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội nghiêm trọng. Tình hình đặc biệt khó khăn của đất nước trong khoảng mười năm đầu sau chiến tranh đã chứng minh dự cảm của Hồ Chí Minh là hoàn toàn chính xác. Sau hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, đất nước đã có sự “thay da, đổi thịt” nhưng cách mạng Việt Nam vẫn đang đứng trước không ít thách thức, nguy cơ. Những khó khăn, phức tạp trong quá trình xây dựng đất nước đã giúp chúng ta hiểu, vì sao Hồ Chí Minh gọi đó là “cuộc chiến đấu không lồ”¹⁴.

Không chỉ tiên liệu chính xác khó khăn của thời hậu chiến và nguy cơ sai lầm của Đảng, tầm nhìn Hồ Chí Minh còn thể hiện ở việc Người đã phác thảo kế hoạch tái thiết đất nước sau chiến tranh trên tinh thần đổi mới. Trong thời đại quá độ lên CNXH, khi cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân kết thúc thì tất yếu Đảng phải lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng XHCN trên phạm vi cả nước. Lúc này, Đảng không thể “khư khư giữ theo “sáo cũ”¹⁵ mà phải tiến hành đổi mới. Hồ Chí Minh căn dặn: “Công việc trên đây là rất to lớn, nặng nề, và phức tạp, mà cũng rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”¹⁶. Cho dù Người chưa trực tiếp sử dụng khái niệm “đổi mới” nhưng câu nói trên đã gián tiếp thể hiện quan niệm của Người về đổi mới và thực tế thì *Di chúc* đã phác thảo một chiến lược đổi mới với tất cả những nội dung căn cốt của nó: Mục tiêu đổi mới là “không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”; lực lượng lãnh đạo là Đảng nhưng trước hết Đảng phải được chỉnh đốn về mọi mặt; nội dung đổi mới là mọi phương diện

trong đời sống đất nước, biện pháp trọng yếu để đổi mới là “động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”¹⁷... Sự nghiệp đổi mới từ Đại hội VI đã thể hiện đúng tinh thần đó. Điều đó nói lên tầm dự báo chiến lược của Hồ Chí Minh.

Thứ tư, Hồ Chí Minh chú trọng chiến lược “trồng người”-một việc làm mang tính quy luật của muôn đời trên cơ sở triết lý giáo dục đúng đắn

Hồ Chí Minh nhấn mạnh trong *Di chúc*: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”¹⁸ và “Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”¹⁹. Luôn hướng tới mục tiêu phát triển con người toàn diện, tức là cả đức và tài, cả “hồng” và “chuyên” nhưng Hồ Chí Minh luôn đặt đức lên hàng đầu. *Di chúc* thể hiện triết lý giáo dục coi trọng đạo đức của Hồ Chí Minh và triết lý đó hiện đang tỏ rõ tính minh triết của mình.

Quan tâm đến việc đào tạo thế hệ kế cận, trong bản thảo *Di chúc* viết năm 1968, Hồ Chí Minh căn dặn rất cụ thể: “Những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đều đã được rèn luyện trong chiến đấu và đều tỏ ra dũng cảm. Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”²⁰. Lời dặn của Hồ Chí Minh chứa đựng một số nguyên tắc quan trọng về công tác cán bộ: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ là công việc “gốc” của Đảng và một trong những tiêu chí để lựa chọn cán bộ chính là thực tiễn và kinh nghiệm công tác của họ. Quan tâm đến sự

nghiệp mang tính “trăm năm”, Hồ Chí Minh đã thể hiện một tư duy dài hạn và sự hết lòng chăm lo cho tương lai lâu dài của dân tộc.

Thứ năm, Hồ Chí Minh quan tâm đến sự nghiệp giải phóng phụ nữ-bước phát triển tất yếu của văn minh nhân loại

Với khát vọng công bằng và tình cảm đặc biệt dành cho phụ nữ, trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh nhận ra tính triệt để, ưu việt của Cách mạng Tháng Mười Nga ở chỗ “nhờ cuộc cách mạng này mà sự nghiệp giải phóng phụ nữ sẽ có giá trị và có những ý nghĩa đầy đủ, trọn vẹn”²¹. Mong muốn giải phóng phụ nữ nhưng Hồ Chí Minh hiểu rằng: Với một dân tộc bị áp bức như Việt Nam thì giải phóng dân tộc chính là điều kiện tiên quyết để giải phóng phụ nữ và “nam nữ bình quyền” là đích đến của xã hội trong tương lai. Những vấn đề đó đã được Người xác định rõ trong *Chính cương vắn tắt* của Đảng tại Hội nghị thành lập Đảng năm 1930. Hiện thực hóa mục tiêu đề ra, sau Cách mạng Tháng Tám, các bản Hiến pháp năm 1946 và 1959 của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh đứng đầu Ban soạn thảo đều luật hóa quyền bình đẳng của phụ nữ trong xã hội mới. Hồ Chí Minh coi giải phóng phụ nữ là một nội dung quan trọng của công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam, bởi vì: “*Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa*”²². Tuy nhiên, đây thực sự là một cuộc cách mạng hết sức khó khăn, lâu dài bởi tư tưởng “trọng nam, khinh nữ” đã ăn sâu vào đầu óc, tâm lý người dân. Muốn thành công, cuộc cách mạng đó phải được giải quyết ở tầm vĩ mô, tức là nó phải trở thành đường lối chiến lược của Đảng và chính sách lâu dài của Nhà nước. Vì thế, Hồ Chí Minh đã căn dặn trong *Di chúc*: “Đảng và

chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo”²³. Người nhấn nhủ phụ nữ phải tự cố gắng vươn lên. Cho dù sinh thời Hồ Chí Minh chưa sử dụng cụm từ “bình đẳng giới” nhưng tư tưởng và sự nỗ lực giải phóng phụ nữ, thiết lập xã hội nam nữ bình quyền của Hồ Chí Minh đã tạo lập cơ sở lý luận và thực tế cho cuộc đấu tranh về bình đẳng giới ở Việt Nam.

Đến nay, Việt Nam được ghi nhận là một trong số quốc gia đã hoàn thành trước thời hạn mục tiêu bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế phụ nữ như Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (2000) do Liên hợp quốc đề ra. Số lượng phụ nữ giữ những vị trí trọng yếu trong hệ thống chính trị ở nước ta cũng ngày càng tăng lên.

Thứ sáu, Hồ Chí Minh thể hiện rõ ý thức bảo vệ môi trường-vấn đề lớn của nhân loại ngày nay

Hồ Chí Minh là hiện thân của tinh thần dân chủ, không áp đặt nên trong những lời viết cho Đảng, cho dân, Người thường xuyên sử dụng các cụm từ “tin rằng”, “mong rằng”, “điều mong muốn cuối cùng của tôi là” với hàm ý đây chỉ là ý kiến, nguyện vọng của Người. Tuy nhiên, đến phần “việc riêng”, tức phần “hậu sự” của mình, Người quả quyết yêu cầu được hỏa táng và mong muốn “cách “hỏa táng” sau này sẽ được phổ biến”²⁴, và cho rằng hỏa táng “đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất ruộng”²⁵. Quan niệm “*Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân*”²⁶ đã chi phối cả sự lựa chọn cách “hỏa thân” của Người. Khi còn sống, Hồ Chí Minh rất yêu mến thiên nhiên và luôn gần gũi nhân dân nên khi ra đi Người dặn dò “*Tro thì chia làm 3 phần, bỏ vào 3 cái hộp sành... Đồng bào mỗi miền nên chọn 1 quả đồi mà chôn hộp tro đó... Nên có kế hoạch trồng cây trên và*

chung quanh đồi. Ai đến thăm thì trồng một vài cây làm kỷ niệm. Lâu ngày, cây nhiều thành rừng sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho *nông nghiệp*²⁷.

Hồ Chí Minh ý thức rõ ràng bảo vệ môi trường là bảo vệ sự tồn tại của dân tộc và loài người, là điều kiện để đất nước phát triển bền vững. Ngày nay, khi thế giới đang phải đối mặt với những thảm họa nghiêm trọng về vấn đề môi trường, khi ở Việt Nam, sự cạn kiệt diện tích rừng đã dẫn đến việc sạt lở, lũ lụt hàng năm, tình trạng ô nhiễm ở các đô thị, khu công nghiệp, làng nghề ngày càng gia tăng..., tầm nhìn và ý thức bảo vệ môi trường của Hồ Chí Minh càng được minh chứng một cách rõ nét.

Thứ bảy, điều mong muốn cuối cùng của Hồ Chí Minh trong Di chúc chính là mục tiêu lâu dài và đặc trưng của CNXH ở Việt Nam

Đúng như Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đúc kết: “Cụ Hồ không có cái gì riêng; cái gì của nước, của dân là của Người; quyền lợi tối cao của nước, lợi ích hàng ngày của dân là sự lo lắng hàng ngày của Người”²⁸ và vì thế, tương lai tươi sáng của dân tộc chính là mong muốn cuối cùng của Người. Cho dù trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh không trực tiếp nói đến mục tiêu XHCN nhưng lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với CNXH đã thể hiện trong mong muốn: “Toàn Đảng toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”²⁹. Những khát vọng bất biến của nhân loại mà Hồ Chí Minh đúc kết trong điều mong muốn cuối cùng chính là cơ sở lý luận để dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Việt Nam quyết tâm xây dựng một đất nước: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”³⁰.

Tư duy khoa học, tầm nhìn sâu rộng và khả năng dự báo tương lai là năng lực nổi trội của Hồ Chí Minh. Những điều mà Hồ Chí Minh khẳng

định, tiên lượng trong *Di chúc* cách đây nửa thế kỷ, cho đến nay vẫn đúng đắn. Điều đó nói lên tầm nhìn Hồ Chí Minh-tầm nhìn của một bậc thiên tài. Tầm nhìn đó đã giúp cách mạng Việt Nam giành những thắng lợi to lớn trong thế kỷ XX và giờ đây, tiếp tục soi đường cho dân tộc Việt Nam vững bước tiến lên.

1, 2, 6, 10, 14, 16, 17, 18, 19, 20, 23, 24, 25, 27, 29.
Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, T. 15, tr. 612, 618, 611, 616, 617, 617, 617, 612, 612, 616-617, 617, 615, 615, 615, 614

3. Xem Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước-Thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, H, 1995, tr. 112

4, 21. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 2, tr. 289, 7

5, 15. *Sđd*, T. 5, tr. 313, 338

7. *Sđd*, T. 9, tr. 46-47

8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG, H, 1996, tr. 75

9. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 7, tr. 41

11, 22. *Sđd*, T. 12, tr. 402, 300

12, 13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb ST, H, 1987, tr. 26, 19

26. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 10, tr. 378

28. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh-Tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nxb CTQG, H, 2012, tr. 42

30. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 70.